





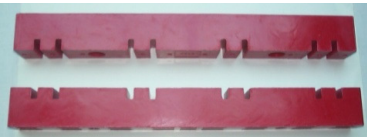





BẢNG GIÁ ĐỒNG HỒ

AC AMMETER DE72 & 96:Class 1.5	AC AMMETER:Class 2.5	AC AMMETER: Class 1.5																																				
 <table border="1"> <tr><td>30A</td><td>50A</td><td>60A</td></tr> <tr><td>75A</td><td>100A</td><td>150A</td></tr> <tr><td>200A</td><td>250A</td><td>300A</td></tr> <tr><td>400A</td><td>500A</td><td>600A</td></tr> <tr><td>750A</td><td>800A</td><td>1000A</td></tr> <tr><td>1200A</td><td>1500A</td><td>1600A</td></tr> <tr><td>2000A</td><td>2500A</td><td>3000A</td></tr> <tr><td>4000A</td><td>5000A</td><td>/ 5A</td></tr> </table> <table border="1"> <tr><td>72X72</td><td>92,000</td></tr> <tr><td>96X96</td><td>92,000</td></tr> </table>	30A	50A	60A	75A	100A	150A	200A	250A	300A	400A	500A	600A	750A	800A	1000A	1200A	1500A	1600A	2000A	2500A	3000A	4000A	5000A	/ 5A	72X72	92,000	96X96	92,000	 <p>DE72 TRỰC TIẾP Không dùng CT 10A2, 15A, 20A 30A, 40A, 50A</p> <table border="1"> <tr><td>72 X 72 (20A, 30A, 50A)</td><td>130.000</td></tr> <tr><td>72 X 72 (75A)</td><td>130.000</td></tr> </table>	72 X 72 (20A, 30A, 50A)	130.000	72 X 72 (75A)	130.000	 <p>DE96: TRỰC TIẾP 10A 15A 20A 30A 40A 50A</p> <table border="1"> <tr><td>96 X 96 (15,20,30,40,50A)</td><td>130.000</td></tr> <tr><td>96X96 (75, 100A)</td><td>130.000</td></tr> </table>	96 X 96 (15,20,30,40,50A)	130.000	96X96 (75, 100A)	130.000
30A	50A	60A																																				
75A	100A	150A																																				
200A	250A	300A																																				
400A	500A	600A																																				
750A	800A	1000A																																				
1200A	1500A	1600A																																				
2000A	2500A	3000A																																				
4000A	5000A	/ 5A																																				
72X72	92,000																																					
96X96	92,000																																					
72 X 72 (20A, 30A, 50A)	130.000																																					
72 X 72 (75A)	130.000																																					
96 X 96 (15,20,30,40,50A)	130.000																																					
96X96 (75, 100A)	130.000																																					
<p>AC VOLTMETER DE 72 & 96</p>  <p>500VAC</p> <table border="1"> <tr><td>72X72</td><td>94,000</td></tr> <tr><td>96X96</td><td>94,000</td></tr> </table> <p>KW DE 72 & 96 3P-3W-380V : Class 1.5</p>	72X72	94,000	96X96	94,000	 <p>(Đặt hàng cho loại 3P-4W)</p> <table border="1"> <tr><td>20KW</td><td>40KW</td><td>50KW</td></tr> <tr><td>75KW</td><td>100KW</td><td>200KW</td></tr> <tr><td>300KW</td><td>400KW</td><td>500KW</td></tr> <tr><td>600KW</td><td>800KW</td><td>1000KW</td></tr> <tr><td>1200KW</td><td>1500KW</td><td>2000KW</td></tr> <tr><td>2500KW</td><td>3000KW</td><td>4000KW</td></tr> </table> <table border="1"> <tr><td>96X96</td><td>540.000</td></tr> </table>	20KW	40KW	50KW	75KW	100KW	200KW	300KW	400KW	500KW	600KW	800KW	1000KW	1200KW	1500KW	2000KW	2500KW	3000KW	4000KW	96X96	540.000													
72X72	94,000																																					
96X96	94,000																																					
20KW	40KW	50KW																																				
75KW	100KW	200KW																																				
300KW	400KW	500KW																																				
600KW	800KW	1000KW																																				
1200KW	1500KW	2000KW																																				
2500KW	3000KW	4000KW																																				
96X96	540.000																																					


BẢNG GIÁ GỖI & THANH ĐỠ (BUS BAR)

 <table border="1"> <tr><td>M25</td><td>4.500</td></tr> <tr><td>M30</td><td>5.800</td></tr> <tr><td>M35</td><td>7.000</td></tr> <tr><td>M40</td><td>8.400</td></tr> <tr><td>M51</td><td>9.000</td></tr> <tr><td>M76</td><td>19.000</td></tr> </table>	M25	4.500	M30	5.800	M35	7.000	M40	8.400	M51	9.000	M76	19.000	 <p>Rãnh đôi : giá cặp 10ly, 8ly, 6ly</p> <table border="1"> <tr><td>130.000</td></tr> </table>	130.000
M25	4.500													
M30	5.800													
M35	7.000													
M40	8.400													
M51	9.000													
M76	19.000													
130.000														
	 <p>4 Rãnh đơn : giá cặp 10ly, 8ly, 6ly</p> <table border="1"> <tr><td>110.000</td></tr> </table>	110.000												
110.000														
	 <p>3 Rãnh đơn : giá cặp 10ly, 8ly, 6ly</p> <table border="1"> <tr><td>80.000</td></tr> </table>	80.000												
80.000														

GIÁ CHƯA VAT ÁP DỤNG TỪ 01/ 06/ 2021


BẢNG GIÁ CÁC LOẠI NÚT NHẤN & CHUYỂN MẠCH

Nút chuyển mạch Ampere & Volt



Volt / Ampere	130.000
---------------	---------

Nút chuyển mạch ATS **Nút ON-OFF (1 Lớp)**



ATS	140.000
-----	---------

MIẾNG DÁN



20x20	17.000
25x25	37.000
30x30	40.000

THANH RAY SẮT & NHÔM



SẮT	NHÔM
22,000	20,000

VỎ CHÌ CÓ ĐÈN



12.000

Cầu chì 10*38



2.500

ĐÈN BẢO ĐIỆN TỬ Ø22 - LED



220V	SL<100
Xlá, đỏ, Vàng	12.000
Xdg, trắng	24.000
12v & 24V	
Xlá, đỏ, Vàng	12.000

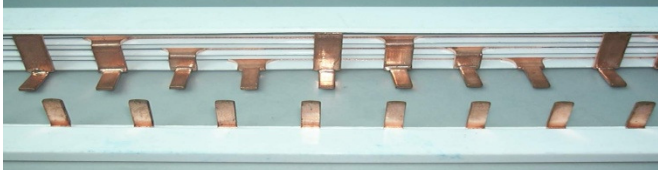
12V - 24V - 220V

C.CHÌ ĐÈN



6.500

THANH LỰC DỪNG CHO MCB TẾP



1 PHA	60.000
2 PHA	121.000
3 PHA	175.000

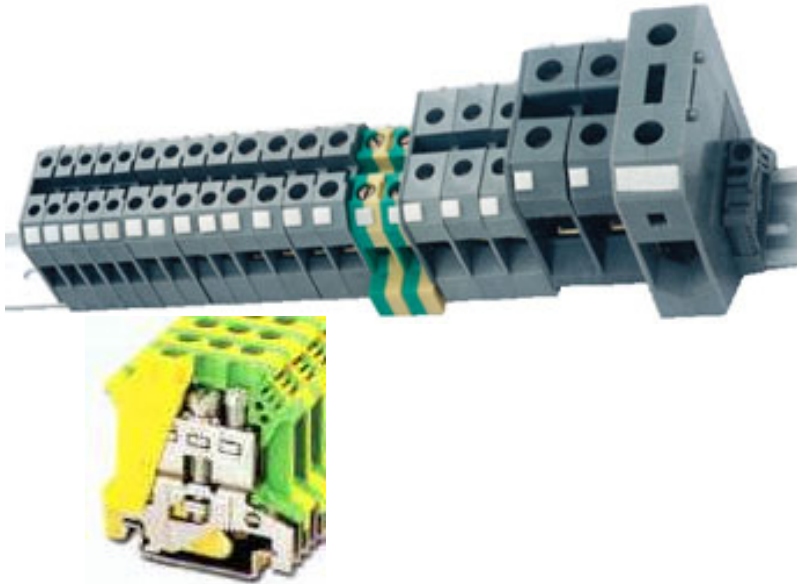
1 CÂY = 1 MÉT

HỘP CHỮ SỐ



15.000

BẢNG GIÁ JXB TERMINAL



2.5MM ²	JXB 2.5/35	4.000
4MM ²	JXB 4/35	5.000
6MM ²	JXB 6/35	7.000
10MM ²	JXB 10/35	9.000
16MM ²	JXB 16/35	14.000
25MM ²	JXB 25/35	22.000
35MM ²	JXB 35/35	28.000
2.5MM ²	TE	13.000
4MM ²	TE	14.000

CABLE GLAND- LOẠI PG



PG 7	3-6.5	1.200
PG 9	4-8	1.300
PG 11	5-11	1.500
PG13.5	6-12	1.800
PG16	10-14	2.300
PG19	12-16	2.500
PG21	14-18	3.200
PG24 / PG25	20-23	4.000
PG29	21-26	5.700
PG36	22-32	9.600
PG42	32-48	13.000
PG48	37-44	17.000
PG63		40.000

TERMINAL CHINA



TB-1503	3.500
TB-1504	5.000
TB-1506	6.000
TB-1512	8.000
TB-2503	6.000
TB-2504	8.000
TB-2506	7.000
TB-2512	10.000

Ghi chú: TB-1504: 15Amper, 4cặp điễm